ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 89 /TTr-UBND	*Chư Pưh, ngày 02 tháng 8 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Về việc xin phê duyệt Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Khóa X, kỳ họp thứ II

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ–HĐND ngày 24/7/2020của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh về việc điều chỉnh bổ sung nhiệm vụ cho 06 tháng cuối năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện khóa X, kỳ họp lần thứ 2 phê chuẩn số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020, cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách Nhà nước:	**518.361 triệu đồng**
1. Thu ngân sách tỉnh và TW:	28.766 triệu đồng
2. Thu ngân sách huyện hưởng:	395.590 triệu đồng
3. Ngân sách xã, thị trấn hưởng:	93.993 triệu đồng

(Ghi chú: Tổng kinh phí trên đã báo gồm cả kinh phí ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã: 80.069 triệu đồng; Tổng thu thực tế trên địa bàn: 438.292 triệu đồng)

II. Tổng chi ngân sách:	**476.568 triệu đồng**
1. Chi đầu tư phát triển:	50.297 triệu đồng
2. Chi thường xuyên:	304.541 triệu đồng
Trong đó:	
- Chi sự nghiệp kinh tế:	15.023 triệu đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	155.899 triệu đồng
- Chi quản lý hành chính:	79.683 triệu đồng
- Chi An ninh:	4.242 triệu đồng
- Chi Quốc phòng:	7.873 triệu đồng
- Sự nghiệp khoa học, công nghệ:	169 triệu đồng
- Sự nghiệp đảm bảo xã hội:	24.815 triệu đồng
- Sự nghiệp bảo vệ môi trường:	10.359 triệu đồng

- Chi hỗ trợ, chi khác: 2.616 triệuđồng

3. Chi chuyển nguồn: 17.379triệu đồng

4. Chi nộp ngân sách cấp trên: 24.282 triệu đồng

5. Chi bổ sung ngân sách cấp xã: 80.069 triệu đồng

III. Kết dư ngân sách địa phương: 13.016 triệu đồng

1. Ngân sách huyện: 5.848 triệu đồng

2. Ngân sách xã, thị trấn: 7.167 triệu đồng

(có báo cáo cụ thể kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện khóa X, kỳ họp thứ II phê chuẩn theo Luật định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lãn đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH T. GIA LAI

Lê Quang Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr-UBND	*Chư Pưh, ngày tháng năm 2021*

BÁO CÁO
Về việc xin phê duyệt Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020

(Kèm theo Tờ trình số 89 /TTr–UBND ngày 07/8/2021 của UBND huyện)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách năm 2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh đã triển khai cho các phòng ban, đơn vị, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội, dự toán thu - chi ngân sách, An ninh - Quốc phòng đề ra trong Nghị quyết HĐND huyện. Nay, báo cáo quyết toán thu – chi ngân sách năm 2020, cụ thể như sau:

I. PHẦN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020:

1. Tổng Thu ngân sách:

TT	Nội dung	KH TỈNH GIAO	KH HUYỆN GIAO	Thực hiện đến 31/12/2020	So sánh KH		So sánh cùng kỳ
					KH tỉnh (%)	KH huyện (%)	
	Tổng thu ngân sách	**451,343,639**	**457,403,639**	**438,291,875**	**97.11**	**95.82**	110.82
I	**Thu tại địa bàn**	**38,210,000**	**44,270,000**	**25,158,236**	**65.84**	**56.83**	75.16
	Trừ tiền đất chợ Thị trấn	*25,210,000*	*31,270,000*	*25,158,236*	**99.79**	**80.45**	75.16
1	***Thu trong cân đối***	***38,210,000***	***44,270,000***	***25,158,236***	**65.84**	**56.83**	75.16
	Trong đó: Chi cục thuế thu	12,100,000	13,100,000	17,366,492	**143.52**	**132.57**	124.17
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	5,150,000	5,950,000	8,117,419	**157.62**	**136.43**	131.31
-	Thuế VAT và TNDN	4,600,000	5,350,000	7,453,184	**162.03**	**139.31**	138.58

-	Thuế môn bài						
-	Thuế tài nguyên	400,000	450,000	565,878	**141.47**	**125.75**	86.79
-	Thu khác về thuế	150,000	150,000	58,801	**39.20**	**39.20**	40.68
-	Thuế TTĐB	-		39,556			587.58
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại	-	-				
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)	-	-				-
1.3	Thuế nha đất phi nông nghiệp	-	-	10,659			1,256.96
1.4	Thu phí và lệ phí	1,350,000	1,350,000	2,120,735	**157.09**	**157.09**	125.37
1.5	Lệ phí trước bạ	1,900,000	2,100,000	2,435,746	**128.20**	**115.99**	106.36
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	3,100,000	3,100,000	3,205,706	**103.41**	**103.41**	148.64
1.7	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	600,000	600,000	1,476,227	**246.04**	**246.04**	89.06
1.8	Thu tiền sử dụng đất	23,000,000	28,000,000	5,162,785	**22.45**	**18.44**	29.92
-	Thu tiền đất chợ TT Nhơn hòa	13,000,000	13,000,000		-	-	
-	Dự án do ngân sách huyện đầu tư và thu từ các TC KT	10,000,000	15,000,000	5,162,785	**51.63**	**34.42**	29.92
1.9	Thu khác ngân sách	3,110,000	3,170,000	2,628,959	**84.53**	**82.93**	117.82
-	Xử phạt vi phạm HC và thu khác	1,640,000	1,640,000	1,224,914	**74.69**	**74.69**	113.59
-	Thu NĐ 100/CP	1,470,000	1,530,000	1,404,045	**95.51**	**91.77**	121.78
2	***Các khoản thu thông qua ngân sách***		***0***				
II	**Thu chuyển nguồn**	**37,487,187**	**37,487,187**	**37,487,187**	**100.00**	**100.00**	127.11
III	***Thu kết dư***	***7,381,431***	***7,381,431***	***7,381,431***	**100.00**	**100.00**	96.37
IV	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**343,982,286**	**343,982,286**	**343,982,286**	**100.00**	**100.00**	105.88
V	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**	**24,282,735**	**24,282,735**	**24,282,735**	**100.00**	**100.00**	

2. Tổng chi ngân sách: **476.568 triệu đồng**

STT	Nội dung	Số quyết toán	So sánh KH		So sánh cùng kỳ cả năm (%)
			So sánh KH tỉnh	So sánh KH huyện	
**	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH**	**476.568**	**140%**	**96%**	**105,5%**
A	**Chi đầu tư phát triển**	**50.297**	**144%**	**100%**	**104,4%**
B	**Chi thường xuyên**	**304.541**	**99%**	**94%**	**108,5%**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	15.023	120%	76%	120,8%
2	Sự nghiệp môi trường	10.359	120%	100%	148.8%
3	Sự nghiệp khoa học, công nghệ	169	48%	48%	16.9%
4	Sự nghiệp giáo dục & Đào tạo	155.899	94%	94%	102%
5	Trung tâm Dân số KHHGĐ, y tế	510		100%	102%
6	Sự nghiệp VHTT	1.478		100%	75.6%
7	Sự nghiệp TDTT	506		100%	82.9%
8	Đài truyền thanh – truyền hình	1.368		100%	119.3%
9	Đảm bảo xã hội	24.815		95%	223%
10	Chi quản lý hành chính	79.683		97%	100,8%
11	An ninh	4.242		100%	79.5%
12	Quốc phòng	7.873		100%	97.7%
13	Chi hỗ trợ khác	2.616		100%	265.5%
C	**Chi chuyển nguồn**	**17.379**		**100%**	**46.3%**
D	**Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã**	**80.069**		**100%**	**125.7%**
E	**Chi nộp ngân sách cấp trên**	**24.282**		**100%**	**111.4%**

II. KẾT DƯ NGÂN SÁCH:

1. Tổng thu ngân sách (có phần trợ cấp cho xã): 489.583 triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách huyện hưởng: 395.590 triệu đồng
- Ngân sách xã, thị trấn hưởng: 93.993 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách (kể cả phần chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới): 476.568 triệu đồng

Trong đó:

- Chi ngân sách huyện: 389.742 triệu đồng
- Chi ngân sách xã, thị trấn: 86.826 triệu đồng

3. Kết dư ngân sách địa phương: 13.016 triệu đồng

- Ngân sách huyện: 5.848 triệu đồng
- Ngân sách xã, thị trấn: 7.167 triệu đồng

III. PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN THU, CHI NGÂN SÁCH HUYỆN:

1. Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách huyện năm 2020 (không tính kết dư, chuyển nguồn) là 438,29 tỷ đồng, đạt 97,11 % kế hoạch tỉnh, đạt 95,82 % kế hoạch huyện. Trong đó: thu tại địa bàn huyện (không tính kết dư chuyển nguồn) thu được 25,2 tỷ đồng, đạt 65,84% kế hoạch tỉnh, đạt: 56,83 % kế hoạch so với Nghị quyết HĐND huyện, so với cùng kỳ đạt 75,16% kế hoạch.

Nguyên nhân một số khoản thu không đạt theo kế hoạch được HĐND huyện giao:

Thu tiền sử dụng đất: Đấu giá đất đạt thấp do sức mua của nhân dân giảm vì kinh tế của người dân hiện nay chủ yếu phụ thuộc nông nghiệp và gặp nhiều khó khăn: vừa mất mùa, giá cả nông sản lại giảm sút mạnh trong thời gian gần đây.

2. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách các xã, thị trấn đến ngày 31 tháng 12 năm 2020:

- Xã Ia Rong thu năm 2020 đạt 625 triệu đồng, đạt 85,27%KH huyện giao.
- Xã Ia Blứ thu năm 2020 đạt: 470 triệu đồng, đạt 90,56% KH huyện giao.
- Xã Ia Hla thu năm 2020 đạt: 696 triệu đồng, đạt 124,51% KH huyện giao.
- Xã Ia Dreng thu năm 2020 đạt 757 triệu đồng, đạt 113,88% KH huyện giao.
- Thị trấn Nhơn Hòa thu 2020 đạt 4.227 triệu đồng, đạt 151.45% KH huyện giao.
- Xã Ia Hrú thu năm 2020 đạt 1.173 triệu đồng, đạt 120,31% KH huyện giao.
- Xã Ia Le thu năm 2020 đạt: 1.470 triệu đồng, đạt 102,01% KH huyện giao.
- Xã Ia Phang thu năm 2020 đạt 1.633 triệu đồng, đạt 184% KH huyện giao.
- Xã Chư Don thu năm 2020 đạt 364 triệu đồng, đạt 188,6% KH huyện giao.

Đánh giá chung: Trong năm 2020, nếu tính tiền đất thì chỉ có UBND Ia Rong và Ia Blứ không đạt kế hoạch. Nếu không tính tiền sử dụng đất thì tất cả các xã, thị trấn đều đạt kế hoạch.

3. Chi ngân sách:

- Tổng chi ngân sách huyện là 476,568 tỷ đồng đạt 140% KH tỉnh, 96% KH huyện, so với cùng kỳ năm trước đạt 105,5%. Trong đó: chi xây dựng cơ bản 50,297 tỷ đồng đạt 144% KH tỉnh, đạt 100% KH huyện, so với cùng kỳ năm trước đạt 104,4%; chi thường xuyên đạt 304,541 tỷ đồng đạt 99% KH tỉnh, 94% KH huyện, so với cùng kỳ đạt 108,5%.

Nguyên nhân một số khoản chi không đạt:

- Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: Không đạt do kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú theo Quyết định số 116/2016/QĐ–

TTg; kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ phí học tập năm 2020 theo Nghị định số 86/2015/NĐ – CP, học bổng học sinh Trường phổ thông dân tộc Nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT–BTC–BGDĐT, hỗ trợ chi phí học tập theo QĐ 66/2013/QĐ–TTg, kinh phí thực hiện chi trả học bổng và mua sắm phương tiện đồ dùng họ tập cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH–BTC tỉnh cấp mục tiêu chi chưa hết nộp trả ngân sách cấp tỉnh.

- Chi đảm bảo xã hội: Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định 53/2015/QĐ–TTg, kinh phí đào tạo nghề, Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ phí họ tập năm 2018 theo nghị định số 86/2015/NĐ–CP tỉnh cấp mục tiêu chi chưa hết nộp trả ngân sách cấp tỉnh.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Kinh phí chi chương trình OCOP, Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh phí thủy lợi phí, hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ chi chưa hết nộp trả ngân sách cấp tỉnh.

- Sự nghiệp khoa học, công nghệ: Kinh phí đối ứng thực hiện dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng vùng chuyên canh cây có múi theo Viet gap" chưa chi chuyển nguồn sang năm 2021.

Nội dung chi cụ thể các khoản như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
	Tổng chi ngân sách huyện	**476.568**
01	Lương và các khoản có tính chất lương	181.167
02	Học bổng học sinh, sinh viên	9.766
03	Chi khen thưởng	1.332
04	Phúc lợi tập thể	1.538
05	Chi thanh toán các khoản cho cá nhân	669
06	Chi dịch vụ công cộng	2.151
07	Chi cung ứng vật tư văn phòng	5.973
08	Thông tư liên lạc	1.694
9	Chi hội nghị	2.974
10	Công tác phí	1.364
11	Chi sữa chữa thường xuyên	15.357
12	Chi thuê mướn	3.853
13	Chi nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	23.763
14	Chi công tác người có công với cách mạng và XH	23.438
15	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	1.534
16	Chi khác	22.716

17	Chi xây dựng cơ bản	50.297
18	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	5.252
19	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	80.069
20	Chi chuyển nguồn sang năm sau	17.379
21	Chi nộp ngân sách cấp trên	24.282

Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện khóa IX, kỳ họp thứ 6 phê chuẩn theo Luật định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lãn đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái